

Số: 1351/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 Về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1822/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 644/TTr-SNNMT ngày 22 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính (TTHC) sửa đổi, bổ sung; 02 TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao các cơ quan, địa phương:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, xây dựng quy trình nội bộ¹, quy trình điện tử, tái cấu trúc quy trình trong giải quyết TTHC theo nội dung phê duyệt tại Quyết định này và các quy định có liên quan đến việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo quy định. Thời hạn chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định này.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường niêm yết công khai nội dung TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Điểm tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC và thực hiện giải quyết TTHC theo Quyết định này và Quyết định số 1822/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực theo Quyết định số 1822/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Sửa đổi, bãi bỏ TTHC tương ứng được công bố tại Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc công bố danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- Cục CĐS (VP Chính phủ);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh; CVP, PCVP_{N.Nam};
- Trung tâm TT, KTN;
- Lưu: VT, TTPVHCC_{Nhung}, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Sơn

¹ Đối với TTHC nội dung sửa đổi, bổ sung làm thay đổi quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC NINH
(Kèm theo Quyết định số: 1351/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

T T	Mã TTHC	Tên TTHC	Cách thức thực hiện	Địa điểm/Cơ quan thực hiện	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí							Tên VBQPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung
						T	Nhóm dự án	Tổng mức đầu tư ≤ 50 tỷ Đồng g	Tổng mức đầu tư >50 và ≤ 100 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư >100 và ≤ 200 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư >200 và ≤ 500 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư > 500 tỷ Đồng	
1	1.0107 33.H05	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	- Thực hiện tiếp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính bằng một trong các hình thức: Trực tuyến	- Nơi tiếp nhận hồ sơ hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: + Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; địa chỉ tầng 1 và	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:	Thực hiện theo Nghị quyết số 86/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025							- Nghị quyết số 66.19/2026/ NQCP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hoá thủ tục hành chính

T T	Mã TTHC	Tên TTHC	Cách thức thực hiện	Địa điểm/Cơ quan thực hiện	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí					Tên VBQPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung		
			toàn trình tại địa chỉ: http://dich.vucong.gov.vn - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.	tầng 2 (giữa 2 toà nhà A, B) Khu liên cơ quan, Quảng trường 3/2, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh. + Điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC phường Kinh Bắc; địa chỉ: số 31 đường Kinh Dương Vương, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh. + Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện: Sở Nông	* Trước ngày 01 tháng 7 năm 2026: + Không quá 20 ngày đối với dự án đầu tư nhóm II; + Không quá 10 ngày đối với dự án đầu tư công đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công. * Từ ngày 01 tháng 7 năm 2026: + Không quá 20 ngày đối với trường hợp thuộc thẩm	1	Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5	6,5	12	14	17	và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 22/2026/TT BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp,
2	Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng	6,9	8,5	15	16	25							
3	Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật	7,5	9,5	17	18	25							
4	Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	7,8	9,5	17	18	24							
5	Nhóm 5: Dự án	8,1	10	18	20	25							

T T	Mã TTHC	Tên TTHC	Cách thức thực hiện	Địa điểm/Cơ quan thực hiện	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí							Tên VBQPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung															
				nghiệp và Môi trường - Cơ quan/ có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	quyền thẩm định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; + Không quá 10 ngày đối với trường hợp dự án đầu tư công đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công. - Thời điểm thông báo kết quả: trong thời hạn thẩm định. - Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác	<table border="1"> <tr> <td></td> <td>giao thông</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Nhóm 6: Dự án công nghiệp</td> <td>8,4</td> <td>10,5</td> <td>19</td> <td>20</td> <td>26</td> </tr> <tr> <td>7</td> <td>Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)</td> <td>5</td> <td>6</td> <td>10,8</td> <td>12</td> <td>15,6</td> </tr> </table>		giao thông						6	Nhóm 6: Dự án công nghiệp	8,4	10,5	19	20	26	7	Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5	6	10,8	12	15,6	cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
	giao thông																											
6	Nhóm 6: Dự án công nghiệp	8,4	10,5	19	20	26																						
7	Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5	6	10,8	12	15,6																						
<p style="text-align: right;">Đơn vị tính: Triệu đồng/hồ sơ</p> - Trường hợp thẩm định lại: Mức thu phí được xác định bằng 50% mức thu tại biểu mức trên. - Tổ chức, cá nhân thực hiện giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến được áp dụng mức thu bằng 50% mức thu trên.																												

T T	Mã TTHC	Tên TTHC	Cách thức thực hiện	Địa điểm/Cơ quan thực hiện	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung
					<p>động môi trường: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian chủ dự án đầu tư chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đánh giá tác động môi trường theo yêu cầu của Cơ quan thẩm định không tính vào thời hạn thẩm định.</p>		

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	1.010735.H05	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	UBND tỉnh	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.010730.H05	Cấp lại giấy phép môi trường	UBND tỉnh	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường